TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **528**/2024/QĐST-HNGĐ	*Bắc Từ Liêm, ngày 29 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Bản sao Trích lục kết hôn số 114/TLKH-BS ngày 21 tháng 4 năm 2017 của UBND xã T, huyện Từ Liêm (phường T, quận B), thành phố Hà Nội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 488/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:*

1. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1980;
2. Anh Đoàn Quốc T, sinh năm 1975;

Cùng nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: TDP Đông Sen, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị A và anh Đoàn Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 3 năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (phường T, quận B), thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, tranh cãi do bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung. Mục đích hôn nhân không đạt được và hai bên không thể hoà giải. Từ năm 2019 đến nay, anh chị đã ly thân. Đến nay, anh T, chị A cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể hòa giải đoàn tụ nên thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, cần được ghi nhận.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Đoàn Quốc T có 03 (Ba) con chung là Đoàn Thu P, sinh ngày 03/12/2001; Đoàn Trà M, sinh ngày 08/11/2007 và Đoàn Hải Đ, sinh ngày 27/5/2011. Con chung Đoàn Thu P đã trên 18 tuổi, trưởng thành khoẻ mạnh. Giao con chung Đoàn Trà M cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao con chung Đoàn Hải Đ cho anh Đoàn Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản, nhà đất chung: Anh chị không đề nghị Toà án giải quyết.
- Về công nợ chung: Anh chị không đề nghị Toà án giải quyết.

[4]. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh T, chị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về nhân thân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Đoàn Quốc T.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị A và anh Đoàn Quốc T có 03 (Ba) con chung là Đoàn Thu P, sinh ngày 03/12/2001; Đoàn Trà M, sinh ngày 08/11/2007 và Đoàn Hải Đ, sinh ngày 27/5/2011.

Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên: Con chung Đoàn Thu P đã trên 18 tuổi, trưởng thành khoẻ mạnh nên Toà án không xem xét. Giao con chung Đoàn Trà M cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao con chung Đoàn Hải Đ cho anh Đoàn Quốc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ Về quyền đi lại, chăm sóc con chung: Không ai được cản trở quyền đi lại và chăm sóc con chung của chị Nguyễn Thị A và anh Đoàn Quốc T.

- *Về tài sản chung*: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh T, chị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số: 0021991 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thế Vinh